

Đức Thọ, ngày 12 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO
Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019

I. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản và thu hút nguồn vốn đầu tư năm 2019

1. Tình hình thực hiện kế hoạch và thu hút vốn đầu tư XDCB.

Năm 2019 trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn thách thức đan xen, tình hình kinh tế xã hội những tháng đầu năm khởi sắc hơn so với những năm trước. Trên địa bàn toàn huyện việc thực hiện đầu tư xây dựng các công trình theo chương trình xây dựng nông thôn mới triển khai mạnh mẽ, được sự quan tâm của Trung ương, tỉnh, huyện Đức Thọ đã được đầu tư nhiều dự án, công trình trọng điểm trên địa bàn bằng nguồn vốn ngân sách trung ương, tỉnh và nhiều nguồn vốn khác được huy động để tập trung triển khai thi công các dự án cụ thể như sau:

Trong năm tiếp tục thực hiện 76 dự án, trong đó có 22 công trình được chuyển tiếp từ các năm trước và 54 công trình khởi công mới¹. Tổng mức các dự án thực hiện các dự án với số kinh phí đầu tư 1.250 tỷ đồng; có 26 dự án đầu tư ngân sách Trung ương, tỉnh với kinh phí đầu tư 658 tỷ đồng; 50 dự án ngân sách huyện, xã với 120 tỷ đồng. Trong năm 2019 đã thực hiện giải ngân được 348,5 tỷ đồng đạt 100%KH%.

Một số dự án trọng điểm khởi công mới: Đường GT nội vùng xã Đức Hòa; Đường GT xã Đức Yên; Đường Liên xã Đức Đồng - Đức Lạc; Đường Liên xã Đức La - Đức Quang; Đường GT xã Đức Dũng; Đường nối QL8A vào trung tâm xã Đức Thủy.

Tổng nguồn vốn huy động đầu tư xây dựng nông thôn mới năm 2019 với số tiền 416,125 tỷ đồng, trong đó:

| | |
|------------------------------------|----------------|
| - Ngân sách các cấp: | 130,4 tỷ đồng; |
| - Nhân dân đóng góp: | 58,5 tỷ đồng; |
| - Nguồn vốn tín dụng : | 14,5 tỷ đồng; |
| - Nguồn vốn lồng ghép khác: | 199,5 tỷ đồng; |
| - Nguồn vốn doanh nghiệp, | 9,2 tỷ đồng; |
| - Nguồn con em xa quê và vốn khác: | 4,025 tỷ đồng; |

Để đẩy nhanh tiến độ các công trình trên địa bàn, UBND huyện đã có các cơ chế, chính sách đầu tư hết sức hiệu quả như hỗ trợ xi măng làm giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, kênh mương cứng, hỗ trợ các công trình hạ tầng thiết yếu; tập trung cao cho công tác GPMB các công trình, dự án. Nhìn chung

tiến độ triển khai thi công tốt, tuy nhiên một số nguồn vốn đến nay vẫn giải ngân đạt tỷ lệ thấp như: Nguồn vốn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới và một số nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do nguồn được phân bổ về chậm.

2. Công tác giải phóng mặt bằng

Ủy ban nhân dân huyện đã ưu tiên tập trung cho công tác GPMB các công trình trọng điểm như: Dự án đường bộ Cao tốc Diễn Châu - Bãi Vọt (đoạn qua Đức Thọ); Dự án cầu đường bộ Thọ Tường Đức Thọ; Dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới đường bộ, Dự án kho dự trữ nông sản Đức Lâm với diện tích 33,3 ha, số tiền 43,2 tỷ đồng. Đang tiến hành lập hồ sơ bồi thường GPMB Dự án Nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu Appareltech Hà Tĩnh, Dự án xây dựng khu nhà ở, dịch vụ thương mại Thị trấn Đức Thọ, Dự án xây dựng bệnh viện Đa khoa TTH.

Tổng diện tích thu hồi đền bù 209,633m² thực hiện 16 dự án, công trình, tổng số tiền đền bù 26,967 tỷ đồng, ảnh hưởng tới 485 hộ dân cư và 01 tổ chức. Công tác giải phóng mặt bằng được quan tâm đã tạo điều kiện cho các dự án triển khai thực hiện nhanh chóng. Các công trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các địa phương diễn ra rầm rộ với phong trào hiến đất, hiến công trình để làm đường.

Tuy nhiên do nhiều dự án lớn triển khai cùng một lúc, khối lượng công việc nhiều, lực lượng mỏng thời gian triển khai gấp rút nên công tác GPMB gặp khó khăn, bên cạnh đó chính sách đền bù chưa phù hợp với mặt bằng thị trường và ngân sách phục vụ đền bù do địa phương đối ứng hạn chế, một số cán bộ nhân dân chưa xác định rõ được lợi ích từ các chương trình dự án mang lại nên chưa có sự đồng thuận cao trong nhân dân, dẫn đến GPMB còn nhiều khó khăn vướng mắc.

3. Đánh giá kết quả thực hiện và thu hút nguồn vốn đầu tư XDCB

a. Đánh giá chung: Tất cả các dự án công trình đã triển khai trên địa bàn cơ bản thực hiện đúng tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng tốt. Quy trình thực hiện từ khâu lập dự án trình thẩm định phê duyệt, đến đấu thầu, tổ chức thi công và giải ngân thực hiện theo đúng Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn luật của Chính phủ. Công tác giám sát thi công được thực hiện chặt chẽ đặc biệt là có sự giám sát của Ban Kinh tế - Xã hội của HĐND huyện vừa qua nên giảm được rất lớn tình trạng thất thoát lãng phí trong đầu tư XDCB.

Tuy vậy công tác GPMB để triển khai xây dựng các dự án còn chậm, không đồng bộ, một số địa phương chưa tập trung chỉ đạo quyết liệt, có biểu hiện ngại va chạm, đùn đẩy, né tránh, nguồn ngân sách để chi trả đền bù gặp khó khăn đã làm chậm tiến độ thi công và giải ngân nguồn vốn đầu tư công trình. Một số đơn vị thi công năng lực yếu kém, thiếu vốn, nguồn nhân lực hạn chế, thi công cầm chừng chưa tập trung quyết liệt việc triển khai thực hiện dự án; năng lực quản lý XDCB của một số chủ đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc cập nhật các quy định mới chưa kịp thời, dẫn đến lúng túng trong triển khai, giá cả vật

tư biến động đã làm ảnh hưởng tiến độ thi công các công trình. Thủ tục hồ sơ quyết toán, giải ngân theo quy định còn rườm rà, vai trò giám sát cộng đồng có nơi còn hình thức, thiếu chiều sâu và chuyên môn. Công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu.

b. Nguyên nhân:

- Khách quan:

+ Do tình hình kinh tế phục hồi chậm dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn vay, nợ XDCB tăng đã tác động lớn đến công tác triển khai thi công. Bên cạnh đó chủ trương tái cơ cấu đầu tư, cắt giảm đầu tư công làm cho nguồn vốn đầu tư hết sức khó khăn.

+ Các quy định về quy trình, thủ tục trong công tác quản lý đầu tư xây dựng còn phức tạp, thường xuyên thay đổi, thiếu thống nhất, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, thủ tục hành chính ở một số khâu còn rườm rà, phức tạp.

- Chủ quan:

+ Trách nhiệm của các chủ đầu tư còn thấp, một số chủ đầu tư năng lực yếu kém, chưa tập trung chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra tiến độ triển khai dự án thường xuyên, có lúc khoán trắng cho đơn vị thi công và đơn vị tư vấn.

+ Một số dự án do đơn vị tư vấn thiếu trách nhiệm hạn chế về năng lực nên chất lượng hồ sơ thấp, quá trình thực hiện phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần, dẫn đến kéo dài thời gian, làm chậm tiến độ. Một số nhà thầu thiếu tập trung, phương tiện, máy móc, nhân lực nên thực hiện dự án thi công kéo dài.

- Công tác thanh tra, kiểm tra của các cấp chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước về XDCB hiệu quả chưa cao, việc xử lý trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức liên quan chưa cụ thể và kiên quyết. Đặc biệt là công tác giám sát và quản lý giám sát của Ban quản lý dự án công trình còn buông lỏng, dẫn đến công trình chậm tiến độ, chất lượng kém.

c. Công tác thu hút nguồn đầu tư XDCB trên địa bàn năm 2019 là 348,5 tỷ đồng, tuy nhiên so với nhu cầu về vốn của các xã và để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới đang còn hạn chế.

Trong thời gian tới cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền huyện và các ngành chuyên môn có cơ chế hợp lý và bố trí nguồn ngân sách đầy đủ, để phục vụ cho công tác đối ngoại thu hút nguồn vốn đầu tư. Khuyến khích tạo điều kiện cho các xã, thị trấn, các ngành về mặt chủ trương cũng như hồ sơ thủ tục để mời gọi thu hút các chương trình dự án về trên địa bàn.

II. Tình hình nợ tồn đọng XDCB trong năm 2019

Trong thời gian qua đã tập trung quyết liệt cho chương trình xây dựng nông thôn mới, tình hình đầu tư xây dựng các công trình trên địa bàn huyện đạt kết quả tốt, đã tạo được cảnh quan, kiến trúc đẹp, đáp ứng nhu cầu đời sống sinh hoạt, hạ tầng nông thôn như trụ sở, trường học, trạm xá, đường giao thông, điện sinh hoạt,... Tuy nhiên hiện nay vẫn còn 24 xã, thị trấn còn nợ xây dựng cơ bản đến tháng 12 năm 2019 là : 72,524 tỷ đồng trong đó có: Xã Thái Yên, xã Đức Thanh

và Thị trấn Đức Thọ nợ trên 11 tỷ đồng; Xã Đức Dũng nợ trên 5 tỷ đồng; Xã Đức Thịnh, Đức Yên, Đức Long nợ trên 3 tỷ đồng; Xã Trung Lễ, xã Đức Nhân nợ trên 2 tỷ đồng; Xã Đức Lạng, Đức Đồng, Đức Lạc, Đức Lâm, Đức Thủy, Bùi Xá, Trường Sơn, Liên Minh nợ trên 1 tỷ đồng, các xã khác nợ dưới 1 tỷ đồng(có biểu kèm theo).

Công trình do Ban Quản lý dự án huyện đại diện là chủ đầu tư còn nợ có 61 công trình tổng số nợ 134,883 tỷ đồng bao gồm: Các công trình đã phê duyệt quyết toán 10 công trình; Công trình hoàn thành còn nợ đơn vị thi công của 18 công trình; Công trình đang triển khai thi công đã có khối lượng nghiệm 33 công trình.

III. Dự kiến phân bổ nguồn vốn đầu tư ngân sách huyện, nhiệm vụ giải pháp cần tập trung năm 2020

1. Dự kiến phân bổ nguồn vốn đầu tư ngân sách huyện năm 2020

Dự kiến phân bổ nguồn vốn đầu tư 2020 là: 61.522 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí xây dựng mục tiêu quốc gia XDNTM: 39.972 triệu đồng;
- Hỗ trợ trả nợ XDCB và sửa chữa đầu tư khác: 21.550 triệu đồng

2. Một số nhiệm vụ giải pháp tổ chức thực hiện trong Năm 2020

Năm 2020, xác định là năm cuối thực hiện kế hoạch nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XXIX đề ra. Kiên trì, quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; tập trung thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cải cách hành chính. Phát triển toàn diện văn hóa xã hội; đảm bảo an sinh xã hội; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội. Chính phủ đẩy mạnh thắt chặt tiền tệ và cải cách đầu tư công, các cấp các ngành cần tập trung chỉ đạo tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, nguồn thu đầu tư tiền đất, tích cực tập trung, xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng trong XDCB theo tinh thần Chỉ thị số 1792/CT-TTg và Chỉ thị 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tập trung ưu tiên các nguồn vốn đầu tư cho các chính sách phát triển, đầu tư cho hoạt động sản xuất vật chất triển khai công trình xây dựng nông thôn mới. Vì vậy UBND huyện đề ra một số giải pháp để thực hiện nhiệm phát triển đầu tư năm 2020 cụ thể như sau:

1. Huy động tối đa nguồn lực của các doanh nghiệp, nhân dân và nguồn vốn hỗ trợ khác để lồng ghép cùng với vốn đầu tư của ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới. Đa dạng hóa hình thức đầu tư như nhà nước và nhân dân cùng làm, hình thức đầu tư công tư kết hợp.

2. Các chủ đầu tư cần tập trung cao độ, quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đang triển khai thi công dở dang đảm bảo giải ngân nhanh các nguồn vốn đã được bố trí trong năm.

3. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền huyện cho công tác đầu tư xây dựng các công trình dự án về trên địa bàn. Tập trung các công trình dự án nông thôn mới. Đồng thời tập trung quan tâm đến công tác GPMB các công

trình dự án. Đặc biệt là sự vào cuộc quyết liệt của các tổ chức ban ngành, đoàn thể trong công tác vận động quần chúng, hiến đất, hiến tài sản để GPMB.

4. Tiếp tục củng cố nâng cao năng lực các cơ quan quản lý nhà nước về công tác đầu tư XDCEB, các chủ đầu tư, Ban QLDA theo quy định của luật. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước huyện, xã về đầu tư và xây dựng, các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động tư vấn xây dựng. Các chủ đầu tư tập trung quyết toán vốn đầu tư các công trình hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt là các công trình nông thôn mới được phân cấp quản lý đầu tư cho các xã, thị trấn, xử lý nghiêm các chủ đầu tư chậm quyết toán.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trên tất cả các khâu trong hoạt động XDCEB từ lập dự án, thẩm định, phê duyệt đến tổ chức đấu thầu và triển khai dự án. Chấn chỉnh hoạt động các đơn vị tư vấn, đơn vị xây lắp trên địa bàn, tập trung vào các khâu khảo sát, tư vấn lập dự án và kiểm soát chất lượng thi công. Phòng Kinh tế - Hạ tầng cần đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm định, giám sát chất lượng các công trình thuộc phạm vi quản lý của ngành trên địa bàn.

5. Tăng cường công tác quản lý đầu tư XDCEB từ khâu lập hồ sơ ban đầu của các chủ đầu tư đến quá trình triển khai thi công định kỳ phải báo cáo giám sát đánh giá các dự án đầu tư, gửi về UBND huyện để tổng hợp theo dõi, thường xuyên kiểm tra, giám sát phát hiện kịp thời các sai sót trong đầu tư xây dựng, xử lý nghiêm các chủ đầu tư, nhà thầu, cán bộ giám sát gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư XDCEB. Các xã, thị trấn cần tăng cường huy động nội lực trong dân từ nguồn đóng góp tự nguyện, đồng thời tăng cường đối ngoại tìm kiếm nguồn vốn cấp trên và các tổ chức khác bên ngoài. Tăng thu ngân sách từ mọi nguồn, nhất là đầu giá đất để lấy nguồn trả nợ XDCEB và đầu tư xây dựng các công trình theo lộ trình quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

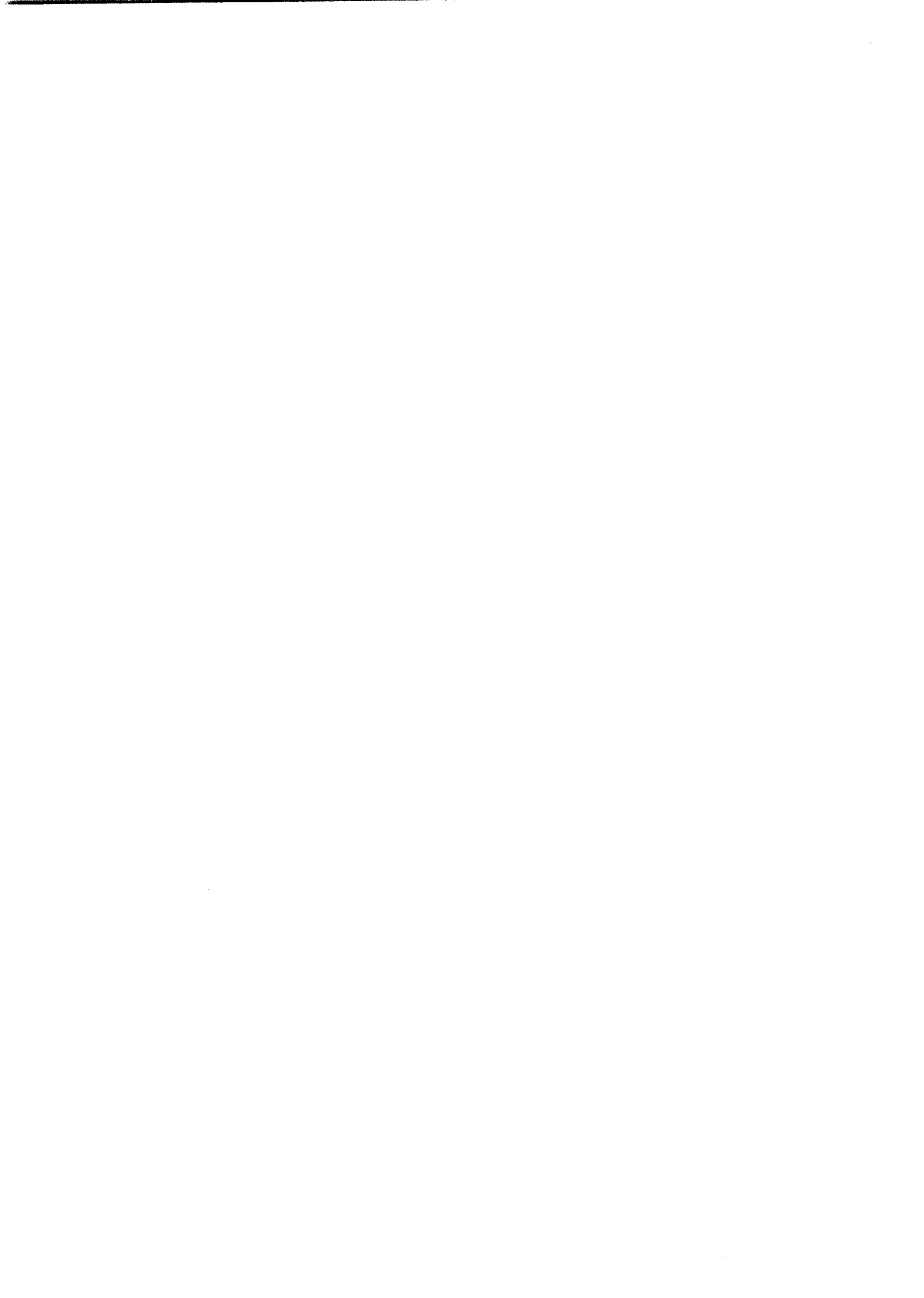
- Đối với các xã, thị trấn có nợ XDCEB lớn không được phê duyệt đầu tư xây dựng mới các công trình, tạm dừng đầu tư xây dựng trong năm để tập trung trả nợ, đồng thời xây dựng lộ trình kế hoạch trả nợ hàng năm.

Trên đây là báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019, kế hoạch, nhiệm vụ năm 2020 của huyện Đức Thọ./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy - HĐND huyện;
- Các đ/c UV BTV Huyện ủy;
- UBNDTTQ và các đoàn thể;
- Các phòng, ban UBND huyện;
- Văn phòng HĐND - UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VP/UBND.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ**

**TỔNG HỢP BÁO CÁO NỢ XÂY DỰNG CƠ BẢN
ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2019**

ĐVT: Tr.đồng

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|-----------|---|----------------------------------|-----------------------------------|--|----------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=7+8 | 7 | 8 | 9 | 10=6-9 |
| A | TỔNG CẢ HUYỆN | 611,314 | 341,714 | 234,924 | 164,191 | 83,251 | 80,940 | 91,667 | 72,524 |
| I | Xã Đức Lạng | 9,422 | 6,113 | 323 | 4,048 | 708 | 3,340 | 2,675 | 1,373 |
| 1 | Khuôn viên trụ sở xã | 2,763 | 2,415 | | 385 | 385 | | | 385 |
| 2 | Khu vui chơi người già, trẻ em | 536 | 358 | 323 | 323 | 323 | | | 323 |
| 3 | Cải tạo nhà học 2 tầng 6 phòng Trường tiểu học | 499 | 378 | | 378 | | 378 | 300 | 78 |
| 4 | Cải tạo nhà học 2 tầng 8 phòng Trường tiểu học | 1,210 | 962 | | 962 | | 962 | 875 | 87 |
| 5 | Nhà học 2 tầng 4 phòng Trường mầm non | 4,414 | 2,000 | | 2,000 | | 2,000 | 1,500 | 500 |
| II | Xã Đức Đồng | 16,363 | 1,852 | 12,697 | 1,452 | 1,452 | 0 | 0 | 1,452 |
| 1 | Nâng cấp nhà làm việc trụ sở 2 tầng thành 3 tầng | 1,186 | | 1,023 | 22 | 22 | | | 22 |
| 2 | Đường từ trung tâm vào thôn Liên Sơn | 1,439 | | 1,371 | 272 | 272 | | | 272 |
| 3 | Hàng rào trường tiểu học xã Đức Đồng | 104 | | 99 | 37 | 37 | | | 37 |
| 4 | Nâng cấp nhà văn phòng 1 tầng thành 2 tầng trường MN | 1,888 | 1,852 | | 334 | 334 | | | 334 |
| 5 | Nhà làm việc 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trạm y tế | 3,836 | | 3,231 | 147 | 147 | | | 147 |
| 6 | Vườn thuốc nam trạm y tế | 190 | | 159 | 21 | 21 | | | 21 |
| 7 | Khuôn viên trạm y tế | 333 | | 276 | 29 | 29 | | | 29 |
| 8 | Đường GTND xã Đức Đồng năm 2016 | 4,688 | | 4,086 | 109 | 109 | | | 109 |
| 9 | Nhà vệ sinh trường Đồng Lạng | 300 | | 280 | 40 | 40 | | | 40 |
| 10 | Đường GTND năm 2017 | 1,208 | | 1,048 | 224 | 224 | | | 224 |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|------------|---|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 11 | Cải tạo trường tiểu học xã Đức Đồng, Hạng mục: Công, hàng rào, sân trường | 1,191 | | 1,124 | 217 | 217 | | 217 | |
| III | Xã Đức Lạc | 6,475 | 4,809 | 2,747 | 1,244 | 1,244 | 0 | 0 | 1,244 |
| 1 | Trường tiểu học | 3,408 | 2,062 | | 255 | 255 | | 255 | |
| 2 | Đường bê tông GTNT | 522 | 522 | 522 | 96 | 96 | | 96 | |
| 3 | Đường bê tông GTNT TX01 | 739 | 739 | 739 | 119 | 119 | | 119 | |
| 4 | Sân vận động | 1,126 | 806 | 806 | 94 | 94 | | 94 | |
| 5 | Đường GTNT xã Đức Lạc | 680 | 680 | 680 | 680 | 680 | | 680 | |
| IV | Xã Đức Long | 13,663 | 12,629 | 8,429 | 5,682 | 5,295 | 387 | 1,814 | 3,868 |
| 1 | Đường nội đồng thôn Đồng Vịnh | 1,121 | 1,017 | 978 | 328 | 328 | 200 | 128 | |
| 2 | Đường GTNT xã Đức Long | 3,579 | 3,069 | 3,008 | 208 | 208 | | 208 | |
| 3 | Cổng ,hàng rào tiểu học | 1,110 | 980 | | 107 | 107 | | 107 | |
| 4 | Nâng cấp các hạng mục phụ trợ trụ sở xã | 445 | 424 | 405 | 405 | 405 | | 405 | |
| 5 | Hạ tầng đất ở dân cư năm 2018 | 1,271 | 1,210 | 1,160 | 1,160 | 1,160 | 500 | 660 | |
| 6 | Nhà Ăn bán trú trường Tiểu Học | 1091 | 891 | | 1,091 | 1,091 | 914 | 177 | |
| 7 | Nâng cấp các hạng mục trường Tiểu Học | 882 | 820 | 812 | 261 | 261 | 200 | 61 | |
| 8 | Mương thoát lũ và các hạng mục phụ trợ trường Mầm Non | 414 | 631 | 414 | 407 | 407 | | 407 | |
| 9 | Nha thư viện trường THCS Đậu Quang Lĩnh | 839 | 839 | | 539 | 539 | | 539 | |
| 10 | Nâng cấp các hạng mục phụ trợ trường Mầm Non (hào Quang) | 631 | 631 | | 331 | 331 | | 331 | |
| 11 | Cải tạo nâng cấp đài tượng niệm | 1113 | 1,064 | 1,018 | 118 | 118 | | 118 | |
| 12 | Nâng cấp các hạng mục phụ trợ trạm y tế | 714 | 666 | 634 | 340 | 340 | | 340 | |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|------------|--|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 13 | Di dời đường dây liên lạc 371 | 453 | 387 | | 387 | | 387 | | 387 |
| V | Xã Đức Lập | 7,886 | 7,679 | 4,244 | 886 | 886 | 0 | 691 | 195 |
| 1 | Khuôn viên trụ sở xã | 463 | 453 | 453 | 54 | 54 | | 54 | 0 |
| 2 | Nhà trực bảo vệ ủy ban | 85 | 81 | 81 | 81 | 81 | | 81 | 0 |
| 3 | Trạm y tế xã | 326 | 324 | 324 | 94 | 94 | | 94 | 0 |
| 4 | Nhà điều trị 2 tầng trạm y tế | 3,420 | 3,250 | | 195 | 195 | | 0 | 195 |
| 5 | Saân vận động xã | 591 | 572 | 572 | 38 | 38 | | 38 | 0 |
| 6 | Nhà văn hóa đa chức năng xã | 3,001 | 2,999 | 2,814 | 424 | 424 | | 424 | 0 |
| VI | Xã Đức An | 8,634 | 8,045 | 5,615 | 1,603 | 1,603 | 0 | 912 | 691 |
| 1 | Nhà xe, công hàng rào và sân trạm y tế xã Đức An | 330 | 292 | 292 | 89 | 89 | | | 89 |
| 2 | Nhà chức năng trường MN xã Đức An | 2,507 | 2,320 | | 1,131 | 1,131 | | 912 | 219 |
| 3 | Chợ chay xã Đức An | 808 | 770 | 717 | 182 | 182 | | | 182 |
| 4 | Nhà căn hóa xã Đức An | 2,052 | 1,928 | 1,921 | 68 | 68 | | | 68 |
| 5 | Nhà khám 2 tầng trạm y tế xã Đức An | 2,440 | 2,238 | 2,229 | 52 | 52 | | | 52 |
| 6 | Sân nền hàng rào trường mầm non | 497 | 497 | 456 | 81 | 81 | | | 81 |
| VII | Xã Đức Dũng | 26,793 | 24,211 | 24,006 | 5,559 | 5,559 | 0 | 430 | 5,129 |
| 1 | Đường vào khu SX CNTT | 12,923 | 12,318 | 12,185 | 685 | 685 | | | 685 |
| 2 | Nâng cấp sửa chữa trạm bơm xã | 1,461 | 1,079 | 1,079 | 249 | 249 | | | 249 |
| 3 | Nhà bếp, nhà xe, nhà trực MN | 372 | 337 | 337 | 87 | 87 | | 19 | 68 |
| 4 | Nâng cấp phòng học MN | 479 | 416 | 416 | 116 | 116 | | 32 | 84 |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|-------------|--|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 5 | Sửa chữa trụ sở, sân bồn hoa xã | 531 | 505 | 505 | 2,015 | 2,015 | | 2,015 | |
| 6 | Nâng cấp sân vận động xã | 1,198 | 930 | 930 | 354 | 354 | | 354 | |
| 7 | Kênh mương nội đồng xã Đức Dũng | 915 | 866 | 794 | 94 | 94 | | 94 | |
| 8 | Sửa chữa nâng cấp trường tiểu học 2 tầng 10 phòng | 1,123 | 1,001 | 1,001 | 201 | 201 | | 201 | |
| 9 | Sửa chữa nâng cấp Trường mầm non | 1,103 | 983 | 983 | 183 | 183 | | 183 | |
| 10 | Cải tạo, nâng cấp chợ Giấy xã Đức Dũng | 2,556 | 2,345 | 2,345 | 579 | 579 | 275 | 304 | |
| 11 | Nâng cấp công, hàng rào nhà ga ra xe 2 bánh | 1,103 | 984 | 984 | 184 | 184 | | 184 | |
| 12 | Nâng cấp cải tạo nhà đa chức năng nhà hiệu bộ | 1,097 | 975 | 975 | 175 | 175 | | 175 | |
| 13 | Đường GTNĐ thôn Trung Nam | 1,112 | 950 | 950 | 135 | 135 | | 135 | |
| 14 | DĐường GTNT thôn Đại Nam | 171 | 138 | 138 | 138 | 138 | 81 | 57 | |
| 15 | Nâng cấp nhà bia tường niêm | 400 | 135 | 135 | 115 | 115 | 23 | 92 | |
| 16 | Sửa chữa tường rào trường Thanh Dũng | 201 | 201 | 201 | 201 | 201 | | 201 | |
| 17 | Sửa chữa ngăn phòng làm việc, nhà vệ sinh ủy ban | 48 | 48 | 48 | 48 | 48 | | 48 | |
| VIII | Xã Tân Hương | 1,652 | 1,496 | | 1,496 | 0 | 1,496 | 1,260 | 236 |
| 1 | Đường GTNĐ (Tuyến trục xã đi đập đá trắng) | 885 | 780 | | 780 | | 780 | 660 | 120 |
| 2 | Hệ thống truyền thanh có dây | 767 | 716 | | 716 | | 716 | 600 | 116 |
| IX | Xã Đức Lâm | 17,506 | 15,614 | 10,662 | 1,175 | 1,175 | 0 | 102 | 1,073 |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học thành trạm y tế xã | 1,248 | 1,166 | 1,152 | 60 | 60 | | | 60 |
| 2 | Nhà học cấp IV trường mầm non | 1,135 | 1,076 | 1,057 | 61 | 61 | | | 61 |
| 3 | Đường GT thôn Trung Đại Lâm | 1,177 | 981 | 981 | 31 | 31 | | | 31 |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|----|---|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 4 | Đường GT thôn Đồng Thanh Lâm | 1,245 | 1,048 | 1,048 | 36 | 36 | | 36 | |
| 5 | Đường GTND thôn Đồng Thanh Lâm | 1,139 | 1,030 | 995 | 25 | 25 | | 25 | |
| 6 | Kênh mương nội đồng xã Đức Lâm | 2,790 | 2,553 | 2,500 | 283 | 283 | 102 | 181 | |
| 7 | Nhà học 2 tầng trường MN xã | 3,213 | 3,015 | 2,929 | 90 | 90 | | 90 | |
| 8 | Bưu điện xã | 504 | 453 | | 3 | 3 | | 3 | |
| 9 | Cải tạo trường tiểu học xã | 1,056 | 946 | | 146 | 146 | | 146 | |
| 10 | Cải tạo trụ sở UBND xã | 992 | 807 | | 107 | 107 | | 107 | |
| 11 | Sân vận động xã | 883 | 650 | | 111 | 111 | | 111 | |
| 12 | Cải tạo nhà bia tưởng niệm | 1,010 | 896 | | 96 | 96 | | 96 | |
| 13 | Cải tạo trường MN khu vực II | 1,114 | 993 | | 126 | 126 | | 126 | |
| X | Xã Trung Lễ | 28,946 | 21,066 | 12,821 | 5,870 | 3,447 | 2,423 | 3,259 | 2,611 |
| 1 | Trường mầm non xã | 10,360 | 9,235 | 9,133 | 435 | 435 | | 435 | |
| 2 | Nhà hiệu bộ trường MN xã | 2,094 | 1,897 | | 191 | 191 | 102 | 89 | |
| 3 | Đường GTNT xã Trung Lễ (Từ Trung Nam đến Trung Khánh) | 1,140 | 984 | | 127 | 127 | 28 | 99 | |
| 4 | Đường GTNT xã Trung Lễ (Đoạn thôn Trung Đông) | 1,200 | 1,035 | | 135 | 135 | 30 | 105 | |
| 5 | Đường GTNT thôn Trung Khánh (Cầu mặt báy đến Anh Cấn) | 1,206 | 1,009 | | 609 | 609 | 89 | 520 | |
| 6 | Đường gTNT thôn Trung Đông xã Trung Lễ (Đoạn từ ngõ bà Kha đến ngõ Anh Vị) | 994 | 832 | | 333 | 333 | 75 | 258 | |
| 7 | Đường GTNT thôn Trung Đông xã Trung Lễ (Đoạn từ hội quán đến nhà bà Hạnh Thăng) | 1,206 | 1,009 | | 150 | 150 | 30 | 120 | |
| 8 | Nhà thư viện trường tiểu học xã Trung Lễ | 992 | 910 | | 910 | 910 | 824 | 86 | |
| 9 | Đường GTNT thôn Trung Bắc xã Trung Lễ | 753 | 627 | | 627 | 627 | 541 | 86 | |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|-----------|--|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 10 | Nhà ăn bán trú Trường tiểu học | 739 | | 711 | 68 | 68 | | 68 | |
| 11 | Hạ tầng khu dân cư vùng trụ sở NTM | 2.303 | | 2.032 | 221 | 221 | | 221 | |
| 12 | Đắp đất nền đường, cống và mương thoát nước KDC bắc Ngã ba lạc Thiện | 946 | 789 | | 51 | 51 | | 51 | |
| 13 | Đắp đất nền đường, cống và mương thoát nước KDC Nam Ngã ba lạc Thiện | 1,052 | 943 | | 51 | 51 | | 51 | |
| 14 | Sân vườn và các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã Trung Lễ | 1,063 | | 945 | 75 | 75 | | 75 | |
| 15 | Trường THCS Lê Văn Thiêm (Sân, vườn, mương thoát nước) | 711 | | 618,8 | 91 | 91 | | 91 | |
| 16 | Đường GTNT thôn Trung Khánh, xã Trung Lễ (Mặt đường và các công trình trên tuyến) | 651 | 532 | | 532 | | 532 | 480 | 52 |
| 17 | Đường GTNT thôn Trung Tiến, xã Trung Lễ (Mặt đường và các công trình trên tuyến) | 768 | 632 | | 632 | | 632 | 530 | 102 |
| 18 | Đường GTNT thôn Trung Bắc xã Trung Lễ (Mặt đường và các công trình trên tuyến) | 768 | 632 | | 632 | | 632 | 530 | 102 |
| XI | Xã Đức Thủy | 19,792 | 17,224 | 17,114 | 2,051 | 2,051 | 0 | 761 | 1,290 |
| 1 | Nhà vệ sinh xã | 314 | 260 | 254 | 33 | 33 | | | 33 |
| 2 | Cống hàng rào nhà trực trường tiểu học | 268 | 266 | 234 | 25 | 25 | | | 25 |
| 3 | Sửa chữa nhà cấp 4 Trường tiểu học | 298 | 235 | 235 | 85 | 85 | | | 85 |
| 4 | Nâng cấp sân trường tiểu học | 309 | 246 | 246 | 30 | 30 | | | 30 |
| 5 | Đường GTND xom 11 QL 8A xã Đức Thủy | 1,950 | 1,922 | 1,830 | 95 | 95 | | | 95 |
| 6 | DĐường GTND xóm 1 xóm 2 xã Đức Thủy | 1,411 | 1,323 | 1,318 | 112 | 112 | | | 112 |
| 7 | Kênh tiêu úng từ ngõ A.Nam - K19/5 | 875 | 822 | 807 | 87 | 87 | | 87 | 0 |
| 8 | Nhà học 6 phòng 2 tầng trường mầm non | 4,651 | 3,918 | 3,823 | 203 | 203 | | | 203 |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|------------|---|----------------------------------|-----------------------------------|--|---------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 9 | Nhà học 8 phòng 2 tầng trường tiểu học | 3,622 | 3,387 | 3,353 | 336 | 336 | | 336 | |
| 10 | Sửa chữa nhà cấp 4, sân hàng rào trường mầm non | 541 | 408 | 408 | 37 | 37 | | 37 | |
| 11 | Đường GTND thôn Văn Xá | 1,384 | 1,230 | 1,181 | 287 | 287 | | 287 | |
| 12 | Hàng rào sân vận động xã | 273 | | 241 | 47 | 47 | | 47 | |
| 13 | Đường GTNT xã Đức thụy | 2,910 | 2,302 | 2,302 | 460 | 460 | 460 | 0 | |
| 14 | Nhà giao dịch một cửa, nhà truyền thống xã | 986 | 905 | 882 | 214 | 214 | 214 | 0 | |
| XII | Xã Đức Thanh | 34,833 | 27,658 | 3,123 | 13,837 | 13,276 | 561 | 1,562 | 12,275 |
| 1 | Trường tiểu học | 85 | 85 | | 85 | | 85 | 85 | |
| 2 | Trường mầm non xã | 42 | 42 | | 42 | | 42 | 42 | |
| 3 | Nhà bia | 60 | 60 | | 60 | | 60 | 60 | |
| 4 | Trụ sở xã | 112 | 112 | | 112 | | 112 | 112 | |
| 5 | Sân trường Thanh Dững | 33 | 33 | | 33 | | 33 | 33 | |
| 6 | Hàng rào trường tiểu học | 75 | 75 | | 75 | | 75 | 75 | |
| 7 | Hàng rào trường mầm non | 54 | 54 | | 54 | | 54 | 54 | |
| 8 | Nhà văn hóa xã | 2,502 | 2,255 | | 270 | 270 | 68 | 202 | |
| 9 | Đường GTNT thôn Thanh Đình đến thôn Thanh Trung GT 01 | 1,162 | 1,107 | | 154 | 154 | | 154 | |
| 10 | Đường GTNT thôn Thanh Đình đến thôn Thanh Trung GT 02 | 1,192 | 1,135 | | 335 | 335 | | 335 | |
| 11 | Nâng cấp cải tạo trường THCS Thanh Dững (hàng rào, mương thoát nước) | 1,083 | 1,031 | | 131 | 131 | | 131 | |
| 12 | Nâng cấp cải tạo trường tiểu học (Nhà học 2 tầng 12 phòng gara xe 2 bánh, hàng rào) | 901 | 858 | | 94 | 94 | | 94 | |
| 13 | Nâng cấp cải tạo trường tiểu học (Sân đường, bồn hoa, bó vĩa) | 1,116 | 1,011 | | 211 | 211 | | 211 | |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 | |
|----|---|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|---|---------------------------------------|-----------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | | | Nợ phát sinh trong năm 2019 |
| 14 | Khuôn viên trường THCS Thanh Dũng xã Đức Thanh | 1,120 | 1,030 | | 100 | | | 100 | |
| 15 | Đường GTNT thôn Thanh Trung | 2,460 | | | | | | | |
| 16 | Công hàng rào ủy ban | 573 | 495 | | 76 | 76 | | 76 | |
| 17 | Sửa chữa nhà ủy ban | 808 | 509 | | 61 | 61 | | 61 | |
| 18 | UBND xã: Sân lát gạch Terazzo, bồn hoa, sân vận động xá, hàng rào trước trạm | 1,099 | 1,038 | | 405 | 405 | 300 | 105 | |
| 19 | Giếng nước kiêm hồ sinh thái, nhà truyền thống, nhà giao dịch một cửa, các phòng làm việc ga ra xe 2 bánh | 763 | 673 | | 173 | 173 | 36 | 137 | |
| 20 | Cải tạo nhà làm việc 2 tầng, khuôn viên trước công trụ sở | 887 | 808 | | 753 | 753 | 200 | 553 | |
| 21 | Nhà bia tưởng niệm | 637 | 584 | | 364 | 364 | | 364 | |
| 22 | Đường liên thôn 3 | 1.145 | 1.037 | | 1.037 | 1.037 | | 1.037 | |
| 23 | Đắp đất nền đường trục xã | 835 | 793 | | 193 | 193 | 120 | 73 | |
| 24 | Đường GTNT xóm mới | 1,100 | 1,002 | | 1,002 | 1,002 | | 1,002 | |
| 25 | Đường GTNT Thanh Đình | 1.206 | 1,099 | | 1,099 | 1,099 | | 1,099 | |
| 26 | Trạm bơm thôn thanh Trung | 1,004 | 950 | | 950 | 950 | 120 | 830 | |
| 27 | Kênh mương nội đồng | 991 | | 890 | 38 | 38 | 22 | 16 | |
| 28 | Nhà vệ sinh học sinh trường tiểu học | 335 | 307 | | 83 | 83 | | 83 | |
| 29 | Nhà vệ sinh học sinh trường THCS Thanh Dũng | 357 | 327 | | 71 | 71 | | 71 | |
| 30 | Nhà vệ sinh học sinh trường THCS Thanh Dũng (nhà hiệu bộ) QT GD 1 | 2,665 | 2,569 | | 544 | 544 | | 544 | |
| 31 | Đường GTNT thôn Đại Lợi, thanh Trung, Thanh Đình xã Đức Thanh | 3,702 | 2,233 | 2,233 | 886 | 886 | 500 | 386 | |
| 32 | Cải tạo, nâng cấp trường MN xã Đức Thanh | 1,087 | 1,005 | | 1,005 | 1,005 | 196 | 809 | |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|-------------|---|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 33 | Cải tạo nâng cấp trường tiểu học Đức Thanh | 356 | 320 | | 320 | 320 | | 320 | |
| 34 | Nâng cấp nhà văn hóa các thôn | 346 | 313 | | 313 | 313 | | 313 | |
| 35 | Nâng cấp đường GTNT thôn Thanh Đình | 1.019 | 927 | | 927 | 927 | | 927 | |
| 36 | Nâng cấp đường GTNT thôn Thanh Trung, Thanh Đình xã Đức Thanh | 972 | 884 | | 884 | 884 | | 884 | |
| 37 | Nâng cấp trạm y tế xã Đức Thanh | 224 | 207 | | 207 | 207 | | 207 | |
| 38 | Xây dựng nghĩa trang | 725 | 690 | | 690 | 690 | | 690 | |
| XIII | Trường Sơn | 20.242 | 14.594 | 3.516 | 9.160 | 3.839 | 5.321 | 7.342 | 1.818 |
| 1 | Đường GTNT xã Trường Sơn | 4.148 | 3.771 | 3.516 | 717 | 717 | 600 | 117 | |
| 2 | Đường GTND xã Trường Sơn | 1.131 | 931 | | 119 | 119 | | 119 | |
| 3 | Đường GTND thôn Ngõ Lối xã Trường Sơn | 884 | 735 | | 350 | 350 | 280 | 70 | |
| 4 | Đường GTND thôn Sâm Văn hội xã Trường Sơn | 1.074 | 849 | | 399 | 399 | 320 | 79 | |
| 5 | Đường GTND thôn Sâm Văn hội, Ngõ Lối xã Trường Sơn | 973 | 764 | | 376 | 376 | 300 | 76 | |
| 6 | Trường tiểu học xã Trường Sơn. Nhà học 2 phòng | 798 | 723 | | 378 | 378 | 342 | 36 | |
| 7 | Trường tiểu học xã Trường Sơn: Nhà hiệu bộ 2 tầng | 2.750 | 1.950 | | 1.950 | 1.500 | 450 | 1.500 | 450 |
| 8 | Đường GTND xã Trường Sơn từ nghĩa trang cấp đến ruộng ông nuôi | 1.098 | 973 | | 973 | | 973 | 700 | 273 |
| 9 | Đường GTND xã Trường Sơn. Từ đồng Già khoanh 3 đến đường công vụ Xuân Thành | 1.198 | 1.056 | | 1.056 | | 1.056 | 800 | 256 |
| 10 | Đường GTND xã Trường Sơn. Tuyến 1: Từ trường mầm non xã Trường Sơn đến đường ông Cứu. Tuyến 2: Từ nghĩa trang cấp đến bãi bồi | 1.193 | 1.042 | | 1.042 | | 1.042 | 800 | 242 |
| 11 | Trường mầm non xã Trường Sơn. Hạng mục: Cải tạo nhà học 2 tầng 8 phòng nhà an bán trú và nhà xe | 4.995 | 1.800 | | 1.800 | | 1.800 | 1.700 | 100 |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|-----|--|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| XIV | Xã Bùi Xá | 12,797 | 10,971 | 3,031 | 3,342 | 3,217 | 125 | 1,763 | 1,579 |
| 1 | Nhà chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non | 2,015 | 1,850 | 1,850 | 355 | 355 | | | 355 |
| 2 | San nền, hàng rào trường mầm non | 609 | 522 | 522 | 132 | 132 | | | 132 |
| 3 | Nhà học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học Nguyễn Xuân Thiều 2017 | 2,726 | 2,510 | | 24 | 24 | | | 24 |
| 4 | Đắp đất san nền bưu điện xã 2017 | 46 | 46 | | 46 | 46 | | | 46 |
| 5 | Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trụ sở xã 2016 - 2017 | 1,030 | 899 | | 40 | 40 | | | 40 |
| 6 | Cải tạo, nâng cấp sân vận động xã Bùi Xá 2017 | 666 | 505 | | 111 | 111 | | 51 | 60 |
| 7 | Khuôn viên sân, mương thoát nước, hàng rào phía sau UB xã Bùi Xá 2018 | 1,215 | 863 | | 63 | 63 | | | 63 |
| 8 | Cải tạo các phòng học trường tiểu học Nguyễn Xuân Thiều năm 2018 | 432 | 339 | | 19 | 19 | | | 19 |
| 9 | Cải tạo, nâng cấp nhà học 1 tầng thành 2 tầng trường MN xã Bùi Xá 2019 | 1,238 | 1,068 | | 622 | 622 | | 332 | 290 |
| 10 | Nhà chức năng trường tiểu học Nguyễn Xuân Thiều | 1,193 | 952 | | 581 | 581 | | 486 | 95 |
| 11 | Cống qua đường, kênh tiêu thuộc đường GTNT xã Bùi Xá | 277 | 214 | | 214 | 214 | | 141 | 73 |
| 12 | Kênh mương nội đồng xã Bùi Xá | 749 | 720 | 659 | 652 | 652 | | 628 | 24 |
| 13 | Đắp đất nền đường khu dân cư xã Bùi Xá | 436 | 352 | | 352 | 352 | | | 352 |
| 14 | Xây dựng mở rộng nghĩa trang Cá Ngư | 165 | 131 | | 131 | 6 | 125 | 125 | 6 |
| XV | Thị trấn | 160,969 | | 107,962 | 17,264 | 13,020 | 4,244 | 5,299 | 11,965 |
| 1 | Nhà học 8 phòng 2 tầng trường THCS Yên Trấn | 2,138 | | 1,909 | 38 | 38 | | | 38 |
| 2 | Các hạng mục phụ trợ Ủy ban Thị trấn | 718 | | 643 | 194 | 194 | | | 194 |
| 3 | Xây dựng hội trường 320 chỗ | 1,895 | | 1,737 | 25 | 25 | | | 25 |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|----|--|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 4 | Lát gạch Block | 732 | | 671 | 87 | 87 | | 87 | |
| 5 | Sân đường, bồn hoa trường cấp 1 | 76 | | 75 | 72 | 72 | | 72 | |
| 6 | Nhà học 1 phòng Trường MN | 105 | | 94 | 93 | 93 | | 93 | |
| 7 | 3 tuyến đường bê tông nông thôn | 775 | | 632 | 28 | 28 | | 28 | |
| 8 | Đường bê tông vào công trường 1 | 814 | | 673 | 24 | 24 | | 24 | |
| 9 | Xây dựng chợ hòm | 37,754 | | 35,616 | 35 | 35 | | 35 | |
| 10 | Nhà VP trường MN mới | 3.739 | | 3,277 | 11 | 11 | | 11 | |
| 11 | Đường GTNT nội thị Thị trấn | 32,047 | | 27,622 | 844 | 844 | | 844 | |
| 12 | Đắp nền đường, cấp nước Nhà Lay | 3,009 | | 2,569 | 35 | 35 | | 35 | |
| 13 | Mương thoát nước, công qua đường Nhà Lay | 3,031 | | 2,475 | 54 | 54 | | 54 | |
| 14 | Trụ sở UBND Thị | 1,992 | | 1,911 | 45 | 45 | | 45 | |
| 15 | Nhà học bộ môn trường THCS YT | 3,722 | | 3,289 | 27 | 27 | 10 | 17 | |
| 16 | Nhà học kiêm mùa nhạc trường MN | 5,490 | | 4,521 | 131 | 131 | 95 | 36 | |
| 17 | Đường GT ven Chợ hòm | 1,064 | | 946 | 53 | 53 | | 53 | |
| 18 | Mương tiêu úng K 1,2,3,5(Đoạn 1) | 2,897 | | 2,449 | 93 | 93 | 33 | 60 | |
| 19 | Mương tiêu úng K 1,2,3,5(Đoạn 2) | 2,857 | | 2,370 | 478 | 478 | 49 | 429 | |
| 20 | Nhà học số 3 trường Mầm non | 4,783 | | 4,495 | 131 | 131 | 81 | 50 | |
| 21 | Nhà văn phòng trường TH Thị trấn | 3,074 | | 2,635 | 12 | 12 | | 12 | |
| 22 | Đường quy hoạch tổ dân phố 1 | 349 | | 281 | 7 | 7 | | 7 | |
| 23 | Hạ tầng sân vườn trường Mầm non | 2,947 | | 2,627 | 153 | 153 | 112 | 41 | |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|----|--|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 24 | Nâng cấp cải tạo khuôn viên trường THCS | 485 | | 451 | 15 | 15 | | 15 | |
| 25 | Sân bóng trường tiểu học thị trấn Đức Thọ, đắp đường giao thông nông thôn xóm 1.2 | 1.449 | | 1.129 | 9 | 9 | | 9 | |
| 26 | Đường dây 0.4Kv xóm 6 thị trấn | 454 | | 413 | 21 | 21 | | 21 | |
| 27 | Cải tạo nâng cấp nhà làm việc 3 tầng, Nhà hội trường, nhà công an và hàng rào Trú sở UBND | 734 | | 605 | 7 | 7 | | 7 | |
| 28 | Đường giao thông nội thị - Tuyến các công trình trên tuyến(Đường bê tông vào trường mầm non) | 1.130 | | 1.004 | 30 | 30 | | 30 | |
| 29 | Tr-êng MN khu vực II | 843 | | 843 | 102 | 102 | | 102 | |
| 30 | Nhà văn phòng trường C/2 | 1.463 | 1.394 | | 278 | 278 | | 278 | |
| 31 | Nhà bếp trường mầm non | 663 | 468 | | 252 | 252 | | 252 | |
| 32 | Cổng hàng rào, trường mầm non | 996 | 888 | | 269 | 269 | | 269 | |
| 33 | Đền Hồ Nam-Chùa Quả | 3.548 | 1.874 | | 1.874 | 1.874 | | 1.874 | |
| 34 | Đặt tên các tuyến đường trên địa bàn | 549 | 549 | | 334 | 334 | | 334 | |
| 35 | Đường giao thông nội đồng thị trấn Đức Thọ | 1.110 | 1.051 | | 86 | 86 | | 86 | |
| 36 | Hạ tầng khu dân cư Tô dân phố 2.3(Giao thông) | 2.942 | 2.933 | | 468 | 468 | | 468 | |
| 37 | Hạ tầng khu dân cư Tô dân phố 2.3(Thoát nước) | 2.515 | 2.279 | | 621 | 621 | | 621 | |
| 38 | Nhà giao dịch một cửa, Phòng truyền thống và lưu trữ UBND thị | 2.467 | 2.309 | | 578 | 578 | | 578 | |
| 39 | Sửa chữa, nâng cấp vòm xuyên và dải phân cách các tuyến đường khu trung tâm thị trấn | 1.189 | 1.189 | | 289 | 289 | | 289 | |
| 40 | Sửa chữa nâng cấp hàng rào và các hạng mục khác - trường THCS Yên trấn | 299 | 262 | | 98 | 98 | | 98 | |
| 41 | Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thuộc | 2.010 | 1.593 | | 709 | 709 | | 709 | |
| 42 | Xây dựng đường bê tông đường Bùi Dương Lịch và đường nghĩa trang Trôi | 731 | 558 | | 231 | 231 | | 231 | |
| 43 | Nhà bếp, hàng rào trường Mầm non II | 425 | 406 | | 90 | 90 | | 90 | |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|------------|--|----------------------------------|-----------------------------------|--|---------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 44 | Nhà Cầu 1.2. 3 trường mầm non | 736 | 655 | | 285 | 285 | | 16 | 269 |
| 45 | sân khuôn viên UBND thị trấn | 1,146 | 945 | | 273 | 273 | | | 273 |
| 46 | Đắp đất nền đường, hàng rào, sân cơ nhân tạo trường tiểu học | 1,213 | 998 | | 459 | 459 | | 20 | 439 |
| 47 | ĐườngGTNT, phân ảnh, Tiểu học, Phan Bá đạt (ảnh) mda 7763082 | 1,270 | 1,001 | | 1,001 | 1,001 | | 800 | 201 |
| 48 | nâng cấp công viên khuôn viên trước huyện ủy | 1,186 | 967 | | 414 | 414 | | | 414 |
| 49 | Nhà học đa chức năng trường cấp 1 | 4,997 | 1,735 | | 1,735 | | 1,735 | 1,723 | 12 |
| 50 | S/c. cải tạo sân vận động Thị Trấn | 3,887 | 636 | | 636 | | 636 | 636 | 0 |
| 51 | Nâng cấp cải tạo nhà học 2 tầng 20 phòng trường tiểu học; mda.7739776 | 644 | 526 | | 243 | 243 | | | 243 |
| 52 | Nâng cấp cải tạo sân bóng rổ, đường chạy, sân bóng chuyền, bồn hoa, lát gạch Tezaro 400x400 trường tiểu học. mda.7739777 | 838 | 696 | | 338 | 338 | | | 338 |
| 53 | Đường Đẩu Quang Linh; mda 7760342 | 952 | 762 | | 976 | 976 | | 625 | 351 |
| 54 | Cải tạo vỉa hè, nhà xe UB và 1 số hạng mục khác ;mda 7760341 | 1,140 | 924 | | 924 | | 924 | 755 | 169 |
| 55 | Nâng cấp sửa chữa vỉa hè đường Hoài Nhơn MDA. 7783070 | 950 | 567 | | 949 | | 949 | 344 | 605 |
| XVI | Xã Đức Nhân | 41,377 | 33,787 | | 12,206 | 8,057 | 4,149 | 9,595 | 2,611 |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp Đài tưởng niệm liệt sỹ | 1,126 | 983 | | 474 | 474 | | 300 | 174 |
| 2 | Chỉnh trang các tuyến đường thôn xóm | 222 | 215 | | 22 | 22 | | | 22 |
| 3 | Cải tạo trường tiểu học, hàng mục: cổng, hàng rào và các hạng mục phụ trợ | 1,148 | 990 | | 430 | 430 | | 325 | 105 |
| 4 | Xây dựng bồn hoa trên các tuyến đường | 129 | 115 | | 25 | 25 | | | 25 |
| 5 | Đường GTNĐ thôn Phú Quý | 1,106 | 903 | | 76 | 76 | | | 76 |
| 6 | Trường tiểu học Đức Nhân, hạng mục: cải tạo các hạng mục phụ trợ | 1,288 | 973 | 973 | 173 | 173 | | 130 | 43 |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|----|--|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 7 | Cổng chào các tuyến đường trục thôn xóm | 214 | 208 | | 18 | 18 | | 1 | |
| 8 | Đường GTND Khang Ninh (ND3) | 1,247 | 1,030 | | 70 | 70 | | 70 | |
| 9 | Đường GTNT | 1,164 | 990 | | 80 | 80 | | 80 | |
| 10 | Cải tạo trạm y tế, hạng mục: nhà 2 tầng, hàng rào, sân và các hạng mục phụ trợ | 1,164 | 1,012 | | 1,012 | 1,012 | 921 | 921 | |
| 11 | Đường giao thông vào trường mầm non, trường tiểu học | 1,071 | 922 | | 42 | 42 | | 42 | |
| 12 | Đường GTND thôn Khang Ninh (ND2) | 1,078 | 883 | | 143 | 143 | 42 | 101 | |
| 13 | Đường GTND thôn Khang Ninh (ND2), hạng mục lề, mặt đường | 1,075 | 927 | | 115 | 115 | 70 | 45 | |
| 14 | Đường GTND thôn Khang Ninh (ND3), hạng mục lề, mặt đường | 1,200 | 1,034 | | 184 | 184 | 74 | 110 | |
| 15 | Đường GTND thôn Phú Quý, hạng mục lề, mặt đường | 1,137 | 980 | | 480 | 480 | 371 | 109 | |
| 16 | Nâng cấp, cải tạo trường mầm non | 980 | 870 | | 570 | 570 | 450 | 120 | |
| 17 | Tuyến kênh tưới đồng Trọt Trôi | 1,017 | 836 | | 281 | 281 | 191 | 90 | |
| 18 | Tuyến kênh tưới từ trạm bơm số 2 đến đồng Trọt Trôi | 815 | 670 | | 125 | 125 | 9 | 116 | |
| 19 | Đường giao thông nông thôn | 9,217 | 8,369 | | 3,239 | 3,239 | 2,530 | 709 | |
| 20 | Trường mầm non, nhà học 2 tầng 4 lớp | 5,032 | 4,484 | 4,484 | 404 | 404 | 341 | 63 | |
| 21 | Kênh mương nội đồng | 1,237 | 1,071 | 1,071 | 71 | 71 | 11 | 60 | |
| 22 | Đường GTNT | 2,418 | 2,166 | | 2,166 | 2,166 | 2,065 | 101 | |
| 23 | Kênh tưới đồng Nà thôn Phú Quý đoạn từ kênh C2 đến cây xăng | 684 | 565 | | 545 | 545 | 496 | 49 | |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|-------------|--|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 24 | Cải tạo, nâng cấp Nhà Thánh, hạng mục: san nền, công, hàng rào, sân lát và nhà gỗ | 915 | 915 | 708 | 101 | | 101 | 92 | |
| 25 | Đường giao thông nội đồng 8 | 3,161 | 942 | | 942 | | 942 | 810 | 132 |
| 26 | Đường GTNT kháng nhinh. phú quý | 1,144 | 395 | | 395 | | 395 | 367 | 28 |
| 27 | Nhà giáo dục thể chất trường tiểu học | 388 | 339 | 333 | 23 | 23 | | | 23 |
| XVII | Xã Liên Minh | 12,073 | 9,165 | | 6,500 | 957 | 5,543 | 4,550 | 1,950 |
| 1 | Trụ sở UBND xã Liên Minh . Hạng mục: Hội trường 250 chỗ | 2,653 | 2,412 | | 621 | | 621 | 463 | 158 |
| 2 | Trụ sở UBND xã. Công, hàng rào | 754 | 482 | | 482 | 482 | | 378 | 104 |
| 3 | Trường MN (công, hàng rào) | 875 | 706 | | 706 | | 706 | 500 | 206 |
| 4 | Trường MN (cải tạo nhà học 6 phòng) | 974 | 781 | | 781 | | 781 | 718 | 63 |
| 5 | Trường MN (san nền) | 1,059 | | | 826 | | 826 | 750 | 76 |
| 6 | Đường GTNT thôn Yên Mỹ. Tuyến 1: Từ ngõ bà Lê Thị Hương đến ngõ ông Trần Xuân Huệ; Tuyến 2: Từ ngõ ông Cao Xuân Sơn đến bến Dân sinh bờ sông La thôn Yên Mỹ | 758 | 569 | | 569 | | 569 | 150 | 419 |
| 7 | Đường GTNT thôn Yên Mỹ và Thọ Tường. Tuyến 1: Từ ngõ ông Trần Đình Côn đến Bê-tông thuộc thôn Thọ Tường; Tuyến 2: Từ ngõ ông Lê Văn Ninh đến ngõ ông Trần Đình Sắc thôn Yên Mỹ | 817 | 616 | | 616 | | 616 | 500 | 116 |
| 8 | Trụ sở UBND xã . Hạng mục nhà làm việc | 1,155 | 1,086 | | 186 | 186 | | | 186 |
| 9 | Trụ sở UBND xã Liên Minh. Hạng mục nhà giao dịch một cửa, nhà vệ sinh | 609 | 530 | | 530 | | 530 | 491 | 39 |
| 10 | Đường bê tông GTNT. Tuyến 1 từ nhà thờ giáo họ Yên Phú đến trường TH liên minh 2. Tuyến 2. từ đường BT thôn Yên Mỹ đến ngõ ông Hoàng Thế Hoàn | 1,200 | 894 | | 894 | | 894 | 600 | 294 |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|-------|---|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 11 | Đường GTNT NĐ01 | 1,219 | 1,089 | | 289 | 289 | | 289 | |
| XVIII | Xã Đức Thịnh | 32,346 | 29,617 | | 8,883 | 8,883 | 0 | 5,369 | 3,514 |
| 1 | Cải tạo MN(Vườn,sân,mương, nhà dề xe) | 1,047 | 853 | | 65 | 65 | | | 65 |
| 2 | Cải tạo MN(Nhà y tế thành nhà trú XD hội trường | 947 | 863 | | 43 | 43 | | | 43 |
| 3 | Cải tạo nhà học 2. 5 phòng MN | 1,034 | 949 | | 948 | 948 | | 890 | 58 |
| 4 | Đường GTNT giải đoạn III | 5,988 | 5,671 | | 1,063 | 1,063 | | 1,035 | 28 |
| 5 | Khuôn viên Trường tiểu Tiểu học | 876 | 806 | | 255 | 255 | | 200 | 55 |
| 6 | Đường GTNT thôn Q. Tiên | 6,147 | 5,379 | | 101 | 101 | | | 101 |
| 7 | Nhà HC 2 tầng 10P | 4,276 | 5,390 | | 387 | 387 | | | 387 |
| 8 | Nâng cấp nghia trang cảng bãi xã Đức Thịnh | 823 | 623 | | 623 | 623 | | 289 | 334 |
| 9 | Bê tông hóa mặt đường khu dân cư thôn Đò Trai, Liên Thịnh, Quang Tiên | 1,148 | 922 | | 922 | 922 | | 647 | 275 |
| 10 | Ngang cấp Nghia trang Ô Ga xã Đức Thịnh | 1,112 | 795 | | 795 | 795 | | 53 | 742 |
| 11 | Bãi chứa rác tạm thời thôn Đò Trai | 190 | 174 | | 174 | 174 | | 130 | 44 |
| 12 | Bãi chứa rác tạm thời thôn Quang Chiêm | 103 | 94 | | 94 | 94 | | 70 | 24 |
| 13 | Cải tạo Trường MN(lau can nhà 2 tầng, mái che,mương thoát nước, bồn hoa) | 257 | 237 | | 237 | 237 | | 219 | 18 |
| 14 | Hạ tầng kỹ thuật đất ở Đò Trai- Liên Thịnh | 822 | 743 | | 743 | 743 | | 564 | 179 |
| 15 | Hạ tầng kỹ thuật đất ở Quang Tiên | 720 | 642 | | 642 | 642 | | 457 | 185 |
| 16 | Mở rộng nghia trang cảng bãi Ô ga | 1,116 | 1,007 | | 1,007 | 1,007 | | 600 | 407 |
| 17 | Đắp đất nền đường khu dân cư gói 1 | 770 | 386 | | 81 | 81 | | | 81 |
| 18 | Đắp đất nền đường khu dân cư gói 2 | 1,177 | 876 | | 192 | 192 | | | 192 |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|------------|--|----------------------------------|-----------------------------------|--|---------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 19 | Cải tạo Trụ sở UBND(nhà Thư viện, hồ nước) | 580 | 557 | | 122 | 122 | | 122 | |
| 20 | Khuôn viên trường TH Bình Thịnh | 327 | 305 | | 45 | 45 | 17 | 28 | |
| 21 | Dự án nạo vét sông Nhà Lê | 938 | 785 | | 11 | 11 | | 11 | |
| 22 | Sân vận động và các hạng mục phụ trợ | 1,037 | 810 | | 75 | 75 | | 75 | |
| 23 | Khuôn viên trường Mầm non | 911 | 810 | | 258 | 258 | 198 | 60 | |
| XIX | Xã Thái Yên | 82,296 | 56,891 | | 36,096 | 2,001 | 34,095 | 24,000 | 12,096 |
| 1 | Khu trung tâm văn hóa xã | 14,370 | 8,109 | | 8,109 | | 8,109 | 109 | |
| 2 | Trường tiểu học Thái Yên(Hạ tầng, nhà ăn bán trú, và các hạng mục phụ trợ | 6.428 | 4,000 | | 4,000 | | 4,000 | 4,000 | |
| 3 | Trường tiểu học Thái Yên (Nhà hiệu bộ 2 tầng nhà học bộ môn 2 tầng 9 phòng, bể bơi, sân nền, hàng rào) | 14,763 | 9,600 | | 9,600 | | 9,600 | 3,600 | |
| 4 | Trường mầm non Thái Yên (nhà bếp + ăn, bể nước ngầm, hạ tầng kỹ thuật) | 4.109 | 3,200 | | 3,200 | | 3,200 | 1,200 | |
| 5 | Trường mầm non Thái Yên(Nhà học 2 tầng 8 phòng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ) | 13,254 | 9,186 | | 9,186 | | 9,186 | 1,186 | |
| 6 | Trụ sở UBND xã (nhà văn hóa, khuôn viên, hàng rào) | 10,078 | 9,090 | 9,090 | 97 | 97 | 0 | 97 | |
| 7 | Trạm y tế (nhà khám điều trị 2 tầng) | 8,875 | 4,603 | | 143 | 143 | | 143 | |
| 8 | Trường Mầm non (Sân nền, công, hàng rào) | 8,429 | 7,500 | | 581 | 581 | | 581 | |
| 9 | Trường tiểu học Thái yên(Nhà giáo dục thể chất) | 879 | 777 | 724 | 354 | 354 | 0 | 354 | |
| 10 | Sửa chữa, nạo vét hồ cá | 512 | 298 | 298 | 298 | 298 | | 298 | |
| 11 | Sửa chữa khuôn viên, hàng rào nhà bia liệt sỹ | 433 | 379 | 379 | 379 | 379 | | 379 | |
| 12 | Sửa chữa, đắp lề đường | 166 | 149 | 149 | 149 | 149 | | 149 | |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|-------------|---|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| XX | Xã Đức Yên | 20,948 | 17,873 | 700 | 17,292 | 137 | 17,155 | 13,929 | 3,363 |
| 1 | Rãnh thoát nước đoạn cuối HTX Yên Long đến hết trường mầm non | 730 | 718 | 700 | 137 | 137 | | | 137 |
| 2 | Tuyến ống cấp nước sinh hoạt thôn Đại Thành, Tân Định | 451 | 350 | | 350 | | 350 | 170 | 180 |
| 3 | Nâng cấp các tuyến đường GTND | 1,134 | 1,037 | | 1,037 | | 1,037 | 785 | 252 |
| 4 | Kênh tưới nội đồng và đường Giao thông | 4,947 | 4,262 | | 4,262 | | 4,262 | 3,793 | 469 |
| 5 | Nhà đa chức năng trường tiểu học | 2,859 | 2,697 | | 2,697 | | 2,697 | 1,837 | 860 |
| 6 | Hạ tầng dân cư đồng Tam Tang | 3,131 | 2,954 | | 2,954 | | 2,954 | 1,489 | 1,465 |
| 7 | Nhà học 2 tầng 6 phòng trường mầm non | 7,696 | 5,855 | | 5,855 | | 5,855 | 5,855 | 0 |
| XXI | Xã Đức Tùng | 7,198 | 4,659 | 1,979 | 971 | 971 | 0 | 0 | 971 |
| 1 | Đường bê tông PTSX thôn Vân Khang | 1,998 | | 1,979 | 97 | 97 | | | 97 |
| 2 | Đường liên thôn thôn Tân An | 2,995 | 2,723 | | 223 | 223 | | | 223 |
| 3 | Nâng cấp mở rộng đường trục xã | 1,025 | 904 | | 224 | 224 | | | 224 |
| 4 | Nâng cấp mở rộng đường NĐ7 | 1,180 | 1,032 | | 427 | 427 | | | 427 |
| XXII | Xã Đức Châu | 2,762 | | 2,572 | 612 | 612 | 0 | 612 | 0 |
| 1 | Trường tiểu học xã Đức Châu. Hạng mục: Nhà giáo dục thể chất | 467 | | 467 | 145 | 145 | | 145 | 0 |
| 2 | Trạm y tế xã Đức Châu | 553 | | 464 | 84 | 84 | | 84 | 0 |
| 3 | Trường mầm non xã Đức Châu. Nhà học và phòng ngủ học sinh | 594 | | 564 | 128 | 128 | | 128 | 0 |
| 4 | Trường tiểu học xã Đức Châu. | 308 | | 237 | 57 | 57 | | 57 | 0 |
| 5 | Đường GTNT thôn Diên Phúc | 566 | | 566 | 66 | 66 | | 66 | 0 |
| 6 | Trường mầm non xã Đức Châu, Nhà học 3 phòng | 274 | | 274 | 132 | 132 | | 132 | 0 |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|--------------|--|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| XXIII | Xã Đức Vinh | 14.126 | 9,829 | 2,907 | 887 | 887 | 0 | 649 | 238 |
| 1 | Trụ sở xã Đức Vinh | 4.968 | 4,662 | | 402 | 402 | | 278 | 124 |
| 2 | San nền, hàng rào công trung tâm xã | 4.244 | 3,712 | | 160 | 160 | | 130 | 30 |
| 3 | Nhà bia tưởng niệm | 731 | 654 | | 160 | 160 | | 139 | 21 |
| 4 | Nhà giao dịch một cửa | 924 | 801 | | 101 | 101 | | 84 | 17 |
| 5 | Trạm y tế xã | 3.259 | | 2,907 | 64 | 64 | | 18 | 46 |
| XXIV | Đức La | 11.306 | 5,872 | 9,643 | 682 | 682 | 0 | 0 | 682 |
| 1 | Truong Mầm non xã Đức La | 6.072 | 5,343 | 5,109 | 234 | 234 | | | 234 |
| 2 | Cải tạo trường Mầm non | 508 | 529 | 529 | 25 | 25 | | | 25 |
| 3 | Cải tạo trụ sở UBND xã | 2.254 | | 1,825 | 35 | 35 | | | 35 |
| 4 | Nhà văn hóa thôn Đông Đoài | 873 | | 801 | 181 | 181 | | | 181 |
| 5 | Nhà văn hóa thôn Quyết Tiến | 909 | | 833 | 103 | 103 | | | 103 |
| 6 | Chỉnh trang đường liên thôn | 690 | | 546 | 104 | 104 | | | 104 |
| XXV | Xã Yên Hồ | 18,419 | 16,600 | | 5,393 | 3,292 | 2,101 | 5,093 | 300 |
| 1 | Công Trình: Nghĩa trang làng nghe xã Yên Hồ | 996 | 956 | | 850 | 850 | | 696 | 154 |
| 2 | Nhà văn hoá kiêm một cửa xã Yên Hồ | 4.279 | 3,760 | | 89 | 89 | | 89 | 0 |
| 3 | Khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người già | 1.147 | 1,147 | | 305 | 305 | | 305 | 0 |
| 4 | Chi phí XD bồn hoa dọc đường trục chính, nhà VH các thôn xã Yên Hồ | 765.00 | 684 | | 84 | 84 | | 84 | 0 |
| 5 | Chi phí XD nhà học bộ môn trường THCS Nguyễn Biểu | 4.424 | 4,318 | | 274 | 274 | | 274 | 0 |
| 6 | Nhà máy nước sạch đào rãnh chôn lấp đường ống | 588 | | 588 | 288 | 288 | | 288 | 0 |

| TT | Tên đơn vị, công trình | Dự toán được phê duyệt (tr.đồng) | Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B | Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt | Tổng nợ XDCB | | | Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 11 tháng năm 2019 | Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 11/2019 |
|----|---|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | | | | Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018 | Nợ phát sinh trong năm 2019 | | |
| 7 | Tiền đổi ứng cho Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn | 355 | | 355 | 355 | 355 | | 0 | |
| 8 | Mương Thoát nước thôn Tiên Thọ | 808 | 808 | | 228 | 228 | | 0 | |
| 9 | Sân nền - công trường - hàng rào trường Mầm non Yên Hồ | 2.956 | 2,826 | | 819 | 819 | | 0 | |
| 10 | Trả nợ đường điện chiếu sáng từ trụ sở UB di thôn Tiên Hòa - Trung Hậu - Nhà máy nước sạch | 592 | 592 | | 592 | | 592 | 560 | 32 |
| 11 | Trả nợ tiền đắp đường, công quy đường, mương thoát nước quy hoạch đất ở | 943 | 943 | | 943 | | 943 | 895 | 48 |
| 12 | Đổ bê tông mở rộng đường giao thông nội bộ, mương thoát nước cống qua đường, bê tông hóa mặt đường vùng quy hoạch | 566 | 566 | | 566 | | 566 | 500 | 66 |